

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Đức Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng, ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Vinh Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2022/TB-TLVA ngày 19 tháng 01 năm 2022. Theo Thông báo mở lại phiên tòa số 11/TB-TA, ngày 21/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Ngọc T, sinh năm 1994. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Vắng mặt.

Hiện nay anh T đang làm việc tại Đài Loan, nhưng không có địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trịnh Ngọc T kết hôn vào ngày 01/7/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, không hợp nhau. Năm 2016, anh T sang Đài Loan để làm ăn. Do khoảng cách địa lý và trước đó có mâu thuẫn nên giữa hai vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay chị Nguyễn Thị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể

hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Ngọc T.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Bảo H, sinh ngày: 04/3/2015. Hiện cháu Trịnh Bảo H đang sống với bố mẹ ruột anh Trịnh Ngọc T. Chị Nguyễn Thị P yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Trịnh Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ- HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phượng được ly hôn anh Trịnh Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Bảo H, sinh ngày: 04/3/2015 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trịnh Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trịnh Ngọc T hiện đang lao động tại Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể. Tại Công văn số 32285/QLXNC - P5, ngày 30/12/2021 của Cục quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận thông tin: Anh Trịnh Ngọc T, sinh ngày: 10/4/1994; địa chỉ: Thôn Yên, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 04/8/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ngoài ra, để đảm bảo giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Trịnh Ngọc T thông qua người thân của anh T là ông Trịnh Trọng V và bà Trần Thị M (bố mẹ đẻ anh T). Tại Biên bản xác minh ngày 30/3/2022 và 20/4/2022, ông V cho biết: Anh Trịnh Ngọc T hiện nay đang lao động tại Đài Loan và ít khi liên lạc với gia đình nhưng

anh vẫn biết việc chị P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ngoài ra, ông V cũng cho biết văn bản tố tụng do Tòa án gửi cho anh T thông qua gia đình ông thì ông đều thông tin đầy đủ cho anh T được biết. Quá trình xác minh, ngày 30/3/2022 và ngày 20/4/2022, khi Tòa án đề nghị kết nối điện thoại bằng hình ảnh với anh T thì ông Trịnh Trọng V đều từ chối vì hầu như việc liên lạc với gia đình do anh T chủ động gọi điện về chứ chưa bao giờ ông gọi được cho anh T.

Theo ông V, bà M cho biết qua trao đổi với anh Thảo thì việc ly hôn về tình cảm, anh T chưa nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị P; về con chung thì anh T muốn được trực tiếp chăm sóc con chung và thời gian anh đi làm ăn xa sẽ giao cháu H cho bố mẹ ruột nuôi cho đến khi anh về nước; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ- HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trịnh Ngọc T theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Trịnh Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 01/7/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Trịnh Ngọc T thấy rằng sau khi kết hôn hai vợ chồng không hòa hợp, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cho đến nay giữa hai người đã không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Theo chị P thì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị P và anh T không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng. Theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị P, xử cho chị P được ly hôn với anh T để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Bảo H, sinh ngày: 04/3/2015. Hiện cháu Trịnh Bảo H đang sống cùng với ông bà nội là ông Trịnh Trọng V, bà Trần Thị M ở thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình xác minh khi tòa án yêu cầu gặp cháu Trịnh Bảo H để tiến hành lấy lời khai về nguyện vọng của cháu H thì ông V và bà M đều trả lời cháu đang đi học.

Ông Trịnh Trọng V và bà Trần Thị M có đơn tình nguyện nuôi cháu Trịnh Bảo H, tuy nhiên tòa án sau nhiều lần xác minh và yêu cầu ông V bà M thông báo với anh Thảo để được làm việc trực tiếp với anh T qua kết nối điện thoại bằng hình ảnh thì ông bà đều từ chối với lý do hầu hết anh T tự gọi về và ông bà không gọi được, nên không thể xác định được nguyện vọng của anh T về nuôi con chung.

Chị P có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; xét nguyện vọng của chị là chính đáng, hiện tại chị đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam nên việc giao con chung cho chị Phượng nuôi nhằm đảm bảo cho cháu H được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn. Do đó, xét thấy cần giao cháu Trịnh Bảo H, sinh ngày: 04/3/2015 cho chị Nguyễn Thị Phượng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trịnh Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi nào chị P, anh T có yêu cầu về việc thay đổi người nuôi con thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự, đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ- HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phượng. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P và anh Trịnh Ngọc T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Bảo H, sinh ngày: 04/3/2015 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Huy tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; anh Trịnh Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000094 ngày 17/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Đức Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Linh

Bùi Văn Hồng

Hồ Đức Quang